

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-PT
Ngày: 03-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo **Trần Trung H**, **Nguyễn Văn K** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HS-ST ngày 05-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Trung H**, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Trần Văn H1** và bà **Phan Thị Lê T**; vợ: **Lê Thị Hồng A**; có 01 người con, sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết số 89/QĐ-XPHC ngày 14/5/2020 của Trưởng **công an huyện G** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc trái phép” (chấp hành xong ngày 15/5/2020); bị bắt tạm giam từ ngày 24/02/2023 cho đến nay, có mặt.

2. **Nguyễn Văn K**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: thiên chúa; con ông: **Nguyễn Văn T1** và bà **Trần Thị Mỹ D**; vợ: **Nguyễn Thị Tố Q**; có 01 người con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Trần Trung H:** Ông **Võ Trần D1** – Luật sư thuộc

văn phòng Luật sư Nguyễn Tấn Đ – Đoàn Luật sư tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Ngọc T2 Trú phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11 năm 2019, Nguyễn Ngọc Thảo T3 vay của Nguyễn Văn K số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, đến tháng 3 năm 2020 T3 vay tiếp của K 7.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng. T3 đã đóng lãi cho K đến giữa tháng 5 năm 2020 là 23.900.000 đồng thì không còn khả năng đóng lãi nên T3 đã bàn bạc với K tìm người giả làm chủ nợ của T3 đến nhà gặp mẹ T3 là bà Nguyễn Thị T4 để đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng, T3 và K thống nhất sau khi lấy được tiền sẽ trả nợ cho K 17.000.000 đồng, trả cho mẹ của K 20.000.000 đồng, số còn lại T3 lấy tiêu xài cá nhân. K đồng ý nên liên lạc với bạn là Trần Trung H nhờ H giả làm chủ nợ, sau khi lấy tiền sẽ cho H 5.000.000 đồng tiền công. H đồng ý nên giả làm chủ nợ gọi điện thoại cho bà T4 nói T3 thiếu nợ H 50.000.000 đồng và yêu cầu bà T4 trả nợ nhưng bà T4 không đồng ý trả, bà T4 yêu cầu H đến nhà gặp trực tiếp. Vài ngày sau H đến nhà bà T4 gặp bà T4 và chồng là ông Lê Văn H2 (cha dượng của T3), H nói với bà T4 và ông H2 là T3 có mượn H số tiền 50.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả và yêu cầu bà T4 trả nợ thay, lúc này T3 có nhà nói với bà T4 là T3 có nợ H số tiền 50.000.000 đồng, bà T4 vẫn chưa đồng ý trả nợ và nói với H để xem lại do không biết T3 có thiếu nợ thật không, hơn nữa T3 không có làm ăn gì sao thiếu nợ số tiền lớn. Sau đó bà T4 và ông H2 nhiều lần hỏi T3 về việc có thiếu nợ H không thì T3 nói có và T3 nói với bà T4 "Mẹ ơi mẹ trả nợ dùm con nếu không tui nó đánh con chết". Bà T4 bàn bạc với ông H2 và đồng ý trả nợ cho T3 nên kêu H đến nhận tiền. Khoảng một tuần sau H đến nhận 10.000.000 đồng (số tiền này H giữ), việc giao tiền không có lập văn bản, số tiền còn lại bà T4 hứa sẽ trả nhiều lần, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Sau đó, vì muốn bà T4 nhanh chóng đưa tiền nên T3 đã chủ động liên lạc với H đưa điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của T3 cho H giữ và nói với bà T4 rằng đã bị H lấy điện thoại di động. Ngày 29/6/2020, tại Công an xã P, bà T4 đã trả cho H số tiền 20.000.000 đồng, việc giao tiền có viết “Tờ thỏa thuận” nội dung H nhận 30.000.000 đồng (bao gồm 10.000.000 đồng đã nhận trước), bà T4 đồng ý sẽ trả tiếp 10.000.000 đồng vào ngày 29/7/2020 và ngày 29/8/2020 mỗi lần sẽ trả 10.000.000 đồng còn lại. H phải trả lại điện thoại cho T3. Sau khi nhận 20.000.000 đồng tại Công an xã P, H đưa cho K 10.000.000 đồng, H giữ 10.000.000 đồng, H trả lại điện thoại cho T3. Đến ngày 01/8/2020, bà T4 tiếp tục giao cho H số

tiền 10.000.000 đồng, H nhận tiền và có ký tên vào mặt sau của “Tờ thỏa thuận”, H đưa cho K 5.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng còn lại do H giữ, sau đó T3 nhìn thấy K và H nên hỏi K vì sao nhận được tiền không đưa lại cho T3 nên K đưa cho T3 5.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, bà T4 kêu H đến nhận số tiền 5.000.000 đồng, việc nhận tiền không có lập văn bản, H đưa cho K 3.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng H giữ. Tháng 11 năm 2020, K đăng bài trên mạng xã hội Facebook cho rằng T3 nợ tiền K nên bà T4 hỏi T3 và biết mình bị lừa đảo, bà T4 điện thoại cho H đến lấy số tiền 5.000.000 đồng còn lại nhằm mục đích yêu cầu H trả lại 45.000.000 đồng đã nhận. H biết việc lừa đảo đã bị phát hiện nên không đến nhận tiền. Tổng số tiền H đã nhận của bà T4 04 lần là 45.000.000 đồng, H giữ 27.000.000 đồng, đưa cho K 18.000.000 đồng và K đã đưa cho T3 5.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền H đã tiêu xài cá nhân hết, K trả nợ cho anh Ngô Nhật T5 và T3 tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 18/11/2020, bà T4 đến Công an xã P tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T3, K, H và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của K.

Tại Kết luận giám định số 309/2021/GĐTL ngày 06/9/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết tên "Trần Trung H" tại mặt trước dưới mục "P.29.6.2020"; tại mặt sau dưới mục "Ngày 1-8-2020 Tôi có nhận 10 triệu" trên "Tờ thỏa thuận", đề ngày 29.6.2020 (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết tên "Trần Trung H" mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 2193/C09B ngày 14/6/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Facebook Messenger giữa hai tài khoản Facebook có tên hiển thị "Nguyễn Thảo L" và "Đô Khá"; Giữa hai tài khoản Facebook có tên hiển thị "Nguyễn Thảo L" và "Hậu Hí"; Giữa hai tài khoản Facebook có tên hiển thị "Đô Khá" và "Hậu Hí" lưu trong 02 (hai) điện thoại gửi giám định ký hiệu A1, A2 trong khoảng thời gian từ 01/4/2020 đến ngày 18/11/2020.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Thảo T3 (N), Nguyễn Văn K, Trần Trung H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T6 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung H** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2022, bị cáo **Nguyễn Văn K** kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Ngày 24/01/2022, bị cáo **Trần Trung H** kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc Thảo T3** không có kháng cáo và đi chấp hành án ngày 24/02/2022.

Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 54/2022/HS – PT ngày 06/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định hủy một phần bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đối với bị cáo **Nguyễn Văn K** và **Trần Trung H** để điều tra, xét xử lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 68/2022/HS – GDT ngày 20/12/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ bản án Hình sự phúc thẩm số 54/2022/HS – PT ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HS-ST ngày 05-05-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2023/TB-TA ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Thảo T3 (N1)**, **Trần Trung H**, **Nguyễn Văn K** phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Thảo T3 (N)** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án trong vụ án trước 24/02/2022 nhưng được khấu trừ 01 (một) tháng theo Quyết định số 771/2023/THAHS-QĐ ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung H** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 16/5/2023, bị cáo **Trần Trung H** kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù;

Ngày 15/5/2023, bị cáo **Nguyễn Văn K** kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Trần Trung H** yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm.

- Bị cáo **Nguyễn Văn K** yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Trần Trung H**, **Nguyễn Văn K** phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Về hình phạt, cần xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm mà **Nguyễn Ngọc Thảo T3** và **Nguyễn Văn K** là người chủ mưu, bàn bạc, lập kế hoạch để cho **Trần Trung H** là người thực hiện. Xét tính nguy hiểm thì **K** và **T3** có tính nguy hiểm cao hơn so với **H**, nhưng **H** có 1 tiền sự, mức án 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với **H** là có phần nghiêm khắc so với bị cáo **K**. Cho nên việc bị cáo **H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo **K** với mức án 09 tháng tù là đã xem xét chiếu cố nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo là không phù hợp bởi lẽ bị cáo là người chủ mưu cùng với bị cáo **T3**. Cho nên việc bị cáo xin hưởng án treo là không đủ điều kiện. Đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trung H; sửa Bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 05-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tuyên bố các bị cáo Trần Trung H, Nguyễn Văn K phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2023. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực.

- Bị cáo H không tranh luận.

- Bị cáo K trình bày nội dung tranh luận: lúc bị cáo T3 bàn bạc thì bị cáo chỉ đưa số điện thoại bị cáo H cho bị cáo T3 tự điện thoại cho bị cáo H. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về nhà.

- Bản luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo H thể hiện: trong quá trình điều tra bị cáo Trần Trung H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thị T4, Lê Văn H2 với số tiền 27.000.000 đồng; bị cáo Trần Trung H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị hại Nguyễn Thị T4 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho Trần Trung H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Trung H 01 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo H chỉ là người giúp sức không phải là người chủ mưu và lên kế hoạch phạm tội. Đồng thời bị cáo H có ba tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hơn nữa bị cáo H cũng không có tình tiết tăng nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cho bị cáo Trần Trung H được hưởng mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về phần trách nhiệm dân sự: bị cáo Trần Trung H đã khắc phục xong, đồng thời bị hại cũng không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo H: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo K: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Với động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân nên vào khoảng tháng 5 năm 2020 đến tháng 9 năm 2020, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, các bị cáo Nguyễn Ngọc Thảo T3, Nguyễn Văn K, Trần Trung H đã dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức đưa ra thông tin giả là T3 nợ H số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị T4 (mẹ của T3) trả nợ. Với thủ đoạn trên Nguyễn Ngọc Thảo T3, Nguyễn Văn K, Trần Trung H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T4, ông Lê Văn H2 số tiền 45.000.000 đồng.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại với tổng số tiền 45.000.000 đồng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Trung H, Nguyễn Văn K phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Trung H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn bãi nại và xin cho các bị cáo hưởng án treo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng

tù, bị cáo có một tiền sự về hành vi đánh bạc và bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản một cách tích cực. Tuy nhiên, xét về vai trò, trách nhiệm hình sự của từng đồng phạm xét thấy cấp sơ thẩm xử bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo **H**.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn K** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn bãi nại và xin cho các bị cáo hưởng án treo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 09 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là đã có xem xét chiếu cố đáng kể khi quyết định hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên hình phạt tù để bị cáo thi hành mới đủ sức giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo **H** phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo **Trần Trung H** không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận. Bị cáo **Nguyễn Văn K** phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn K**; Chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Trung H**; sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 05-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đối với bị cáo **H**;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Trung H**, **Nguyễn Văn K** phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung H** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2023.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo **Trần Trung H** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo **Nguyễn Văn K** phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (2b);
- Chi cục THADS h. Chợ Lách (1b);
- UBND xã Lương Quới, h. Giồng Trôm (1b);
- UBND xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương